

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/09/2021
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Công Luân
2. Ông Tạ Quang Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm: 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 68, phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1987, trú tại: số 68, phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2021, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình vào ngày 02/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh T tại phố M, thị trấn, huyện H. Trong thời gian chung sống, anh không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời, cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Anh T thường xuyên gây sự và hành

hung chị nên chị đã chuyển ra thuê nhà sống riêng ở thôn N, xã N, huyện . Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo Tr, sinh ngày 09/01/2013. Từ trước đến giờ, việc nuôi con do mình chị lo liệu, anh T không đóng góp tiền để chị nuôi con. Hiện tại, thu nhập của chị trong khoảng từ 10 đến 17 triệu đồng/tháng. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn - anh Trần Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến tòa án để làm việc và không gửi cho tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của con chung: Tòa án đã lấy lời khai của cháu Trần Bảo Tr là con của anh T và chị . Cháu Tr muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Nội dung xác minh của tòa án: Đại diện chính quyền cơ sở tại phố M, thị trấn T cho biết: Anh T và chị D là vợ chồng, sống ở phố M, thị trấn T. Mấy năm gần đây, vợ chồng anh T, chị D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, không tu chí lo cho vợ con, có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Vợ chồng anh chị có một con chung đang học tiểu học. Gần đây, do anh T gây sức ép buộc chị D phải ra khỏi nhà nên chị D đã thuê nhà nơi khác ở riêng.

Xác minh tại gia đình anh T, ông Trần Văn L là bố đẻ anh T cung cấp: Anh T, chị D sống chung cùng gia đình ông. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 năm đầu, sau đó anh T nghe bạn bè rủ rê chơi bời, không tu chí làm ăn, có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh T lao động tự do nhưng không đưa tiền về cho vợ con. Nhiều lần, anh T giục chị D ly hôn nhưng chị D vẫn cam chịu để mong anh T thay đổi. Gia đình ông cũng đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Anh T cũng đã biết chị D nộp đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Gia đình hoàn toàn ủng hộ việc chị D xin ly hôn anh T. Nếu chị D không ly hôn thì anh T sẽ chửi bới, gây sức ép cho chị D để chị D phải ra khỏi nhà và ly hôn anh T. Anh T, chị D có một con chung nhưng từ trước đến nay anh T không quan tâm đến con, mọi việc đều do chị D nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Anh T, chị D không có tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị D ly hôn anh T. Giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh

T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung. Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ lời khai của chị D cũng như nội dung do chính quyền cơ sở nơi anh T, chị D chung sống và ý kiến của đại diện gia đình anh T cung cấp, HĐXX nhận định anh T, chị D trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn, cờ bạc, ngoại tình. Anh T đã được tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc và không có quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D thể hiện việc anh T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị D có 01 con chung như chị đã trình bày. Xét thấy, chị D có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung, anh T từ trước đến nay không quan tâm đến con, không có ý kiến tranh chấp nên cần giao cho chị D trực tiếp được nuôi dưỡng con chung. Chị D không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[4] Anh T, chị D không có yêu cầu tòa án giải quyết về chia tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Lê Thị D.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 09/01/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không phải đóng góp nuôi con chung cho chị D, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D. Khi cần thiết, anh T, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002048 ngày 30/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị D đã nộp đủ.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh